

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v tranh chấp

hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Ông Đặng Văn Chiêu

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1968 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số xx ấp V, xã T, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện E, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1974 và bà **Lý Thị K**, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Năm 2012, bà Lê Thị C có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Lý Thị K, việc mua bán không có làm hợp đồng mà chỉ ghi vào sổ theo dõi bán hàng của mỗi bên. Đến ngày 02/11/2019, bà C với ông Q, bà K chốt nợ thì ông Q, bà K còn thiếu bà C số tiền 435.569.000đ, hai bên có làm biên nhận chốt nợ.

Đến ngày 16/12/2019, ông Q, bà K gửi trả được 20.000.000đ; ngày 04/4/2020 trả thêm được 15.000.000đ, sau đó không trả nữa.

Bà C yêu cầu ông Q, bà K trả số tiền gốc 405.569.000đ và tính lãi suất theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.569.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 400.000.000đ và yêu cầu lãi suất từ ngày 02/11/2019 đến ngày 16/12/2019 trên số tiền 435.569.000đ; từ ngày 17/12/2019 đến ngày 04/4/2020 trên số tiền 415.569.000đ; từ ngày 05/4/2020 đến ngày xét xử trên số tiền 400.000.000đ với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Đồng bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Ông Q thừa nhận lời trình bày của bà C là đúng, ngày 02/11/2019 vợ chồng ông còn thiếu bà C số 435.569.000đ và có ký tên vào biên bản chốt nợ; đến ngày 16/12/2019 trả được 20.000.000đ và ngày 04/4/2020 trả được 15.000.000đ. Hiện tại, vợ chồng ông chỉ còn thiếu bà C số tiền 400.569.000đ. Ông Q thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà C số tiền 400.569.000đ nhưng ông xin được trả nhiều lần và xin tiền lãi.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lý Thị K nhưng bà K vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bà K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: ông Q, bà K thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền cho bà C; Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, có căn cứ buộc ông Q, bà K có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền gốc 400.000.000đ và 103.154.192đ lãi. Đình chỉ giải quyết do nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 5.569.000đ.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà C có tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Q, bà K. Ông Q, bà K có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông Q, bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà K là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà C: việc mua bán thức ăn chăn nuôi được thực hiện từ năm 2012 đến năm 2019. Ngày 02/11/2019, bà C và ông Q, bà K tổng kết nợ thì ông Q, bà K còn thiếu bà C số tiền 435.569.000đ. Quá trình tố tụng, bà C và ông Q đã thống nhất ngày 16/12/2019 đã trả được 20.000.000đ và ngày 04/4/2020 trả thêm 15.000.000đ, chỉ còn nợ 400.569.000đ. Tại biên bản lời khai ngày 30/3/2022 (BL 29-30), ông Q thừa nhận việc mua bán và thanh toán như lời bà C trình bày. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận việc bà C bán thức ăn chăn nuôi cho ông Q, bà K với số tiền 435.569.000đ (sau khi chốt nợ), ông Q, bà K đã trả được 35.000.000đ, còn thiếu lại 400.569.000đ là có thật.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định khi làm đơn khởi kiện do nhầm lẫn nên bà C đã tính nhầm ông Q, bà K còn thiếu số tiền 405.569.000đ. Nay tính lại thì ông Q, bà K chỉ có thiếu số tiền 400.569.000đ. Do đó, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền 5.569.000đ, bà C chỉ còn yêu cầu ông Q, bà K trả số tiền 400.000.000đ. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.569.000đ là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của bà C: bà C yêu cầu ông Q, bà K trả lãi suất từ ngày 02/11/2019 đến ngày 16/12/2019 trên số tiền 435.569.000đ; từ ngày 17/12/2019 đến ngày 04/4/2020 trên số tiền 415.569.000đ; từ ngày 05/4/2020 đến ngày xét xử trên số tiền 400.000.000đ với mức lãi suất 0,83%/tháng. Ông Q xác định đồng ý trả lãi nhưng xin phần tiền lãi, nguyên đơn không đồng ý miễn lãi cho bị đơn. Tại khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật này”*. Hội đồng xét xử xét thấy ông Q, bà K không trả đủ tiền mua bán cho bà C là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả là có căn cứ. Bà C yêu cầu tính lãi suất với mức 0,83%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau:

Số tiền gốc 435.569.000đ, từ ngày 02/11/2019 đến ngày 16/12/2019 là 01 tháng 14 ngày: $435.569.000đ \times 0,83\% \times 01 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 5.302.325đ$.

Số tiền gốc 415.569.000đ, từ ngày 17/12/2019 đến ngày 04/4/2020 là 03 tháng 18 ngày: $415.569.000đ \times 0,83\% \times 03 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 12.417.201đ$.

Số tiền gốc 400.000.000đ, từ ngày 05/4/2020 đến ngày 27/5/2022 là 02 năm 01 tháng 22 ngày = 85.434.666đ.

Tổng số tiền lãi là: 103.154.192đ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C để buộc ông Q, bà K trả cho bà C tổng số tiền 503.154.192đ, trong đó 400.000.000đ tiền gốc và 103.154.192đ lãi.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:*

Bà C không phải nộp án phí, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ tại biên lai số 0005042 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án phí dân sự giá ngạch buộc ông Q, bà K nộp 24.126.167đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các các Điều 26, 35, 39, 92, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C:

Buộc ông Trần Văn Q và bà Lý Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C số tiền 503.154.192đ (Năm trăm lẻ ba triệu một trăm năm mươi bốn ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

2/ Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 5.569.000đ do bà C rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Q, bà K trả số tiền 5.569.000đ.

3/ Về án phí: hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ tại biên lai số 0005042 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án phí dân sự giá ngạch buộc ông Q, bà K nộp 24.126.167đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm